

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 1950/TB-ĐHQN

Bình Định, ngày 19 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO

**Xét tuyển sớm vào đại học hệ chính quy năm 2024
theo phương thức xét học bạ THPT và xét điểm thi Đánh giá năng lực**

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-BGDĐT ngày 15/4/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học năm 2024 số 1864/ĐA-ĐHQN ngày 09/4/2024 của Trường Đại học Quy Nhơn.

Trường Đại học Quy Nhơn thông báo Xét tuyển sớm vào đại học hệ chính quy năm 2024 theo phương thức xét học bạ THPT và xét điểm thi Đánh giá năng lực (ĐGNL), chi tiết như sau:

I. Các ngành xét tuyển sớm và tổ hợp môn xét tuyển

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Môn nhân hệ số 2
1	7140114	Quản lý Giáo dục	A00 ; A01 ; C00 ; D01; ĐGNL	
2	7140201	Giáo dục mầm non	M00	
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00 ; C00 ; D01	
4	7140205	Giáo dục chính trị	C00 ; C19 ; C20; D01	
5	7140206	Giáo dục thể chất	T00 ; T02 ; T03 ; T05	Năng khiếu
6	7140209	Sư phạm Toán học	A00 ; A01	
7	7140210	Sư phạm Tin học	A00 ; A01 ; D07	
8	7140211	Sư phạm Vật lý	A00 ; A01 ; A02	
9	7140212	Sư phạm Hoá học	A00 ; B00 ; D07	
10	7140213	Sư phạm Sinh học	B00 ; B08 ; A02	
11	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00 ; D14 ; D15	
12	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00 ; C19 ; D14	
13	7140219	Sư phạm Địa lý	C00 ; C20 ; D15	
14	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01	Tiếng Anh
15	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00 ; A01 ; A02; B00	
16	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	C00 ; C19 ; C20	
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01 ; D01 ; D14 ; D15; ĐGNL	Tiếng Anh
18	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01 ; D01 ; D04 ; D15; ĐGNL	
19	7229030	Văn học	C00 ; C19 ; D14 ; D15; ĐGNL	
20	7310101	Kinh tế	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
21	7310205	Quản lý nhà nước	A00 ; C00 ; C19 ; D01; ĐGNL	
22	7310403	Tâm lý học giáo dục	A00 ; C00 ; C19 ; D01; ĐGNL	
23	7310608	Đông phương học	C00 ; C19 ; D14 ; D15; ĐGNL	

24	7310630	Việt Nam học	C00 ; C19 ; D01 ; D15; ĐGNL	
25	7340101	Quản trị kinh doanh	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
26	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
27	7340301	Kế toán	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
28	7340301	Kế toán (CLC)	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
29	7340302	Kiểm toán	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
30	7380101	Luật	A00 ; C00 ; C19 ; D01; ĐGNL	
31	7440112	Hóa học (Hóa dược, Hóa mỹ phẩm)	A00; B00; D07; D12; ĐGNL	
32	7440122	Khoa học vật liệu	A00 ; A01 ; B00 ; D07; ĐGNL	
33	7460112	Toán ứng dụng	A00 ; A01 ; D07 ; D90; ĐGNL	Toán
34	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00 ; A01 ; K01; ĐGNL	
35	7480109	Khoa học dữ liệu	A00 ; A01 ; D07 ; D90; ĐGNL	
36	7480201	Công nghệ thông tin	A00 ; A01 ; D01 ; K01; ĐGNL	
37	7480207	Trí tuệ nhân tạo	A00 ; A01 ; D07 ; D90; ĐGNL	
38	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00 ; A01; ĐGNL	
39	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	A00 ; B00 ; C02 ; D07; ĐGNL	
40	7510605	Logistics và QL chuỗi cung ứng	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
41	7520201	Kỹ thuật điện	A00 ; A01 ; K01 ; D07; ĐGNL	
42	7520207	KT điện tử - viễn thông (Thiết kế vi mạch)	A00 ; A01 ; K01 ; D07; ĐGNL	
43	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	A00 ; A01 ; K01 ; D07; ĐGNL	
44	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00 ; B00 ; C02 ; D07; ĐGNL	
45	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00 ; A01 ; K01 ; D07; ĐGNL	
46	7620109	Nông học	B00 ; B03 ; B04 ; C08; ĐGNL	
47	7760101	Công tác xã hội	C00 ; D01 ; D14; ĐGNL	
48	7810103	QTDV du lịch và lữ hành	A00 ; A01 ; D01 ; D14; ĐGNL	
49	7810201	Quản trị khách sạn	A00 ; A01 ; D01; ĐGNL	
50	7850101	QL tài nguyên và môi trường	A00 ; B00 ; C04 ; D01; ĐGNL	
51	7850103	Quản lý đất đai	A00 ; B00 ; C04 ; D01; ĐGNL	

* Bảng mã tổ hợp và tên môn xét tuyển

Mã	Tổ hợp môn
A00	Toán, Vật lí, Hóa học
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lí, Sinh học
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
B04	Toán, Sinh học, GDCD
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học
C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD
C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh
K01	Toán, Tin học, Tiếng Anh
M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu GDMN
T00	Toán, Sinh học, Năng khiếu GDTC
T02	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu GDTC
T03	Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu GDTC
T05	Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu GDTC
ĐGNL	Điểm thi ĐGNL

II. Đối tượng và điều kiện xét tuyển

1. Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc các đối tượng khác theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phạm vi cả nước.

2. Đối với phương thức xét kết quả học tập THPT (học bạ):

a) Các ngành sư phạm:

Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên và tổng điểm trung bình 3 môn xét tuyển từ 24.0 trở lên, riêng các ngành Sư phạm Tin học, Sư phạm Sinh học, Giáo dục chính trị, Sư phạm Lịch sử Địa lý, Sư phạm Khoa học tự nhiên từ 21.0 trở lên.

Riêng ngành Giáo dục thể chất : Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên và tổng điểm trung bình 3 môn xét tuyển từ 18.0 trở lên.

b) Các ngành ngoài sư phạm: Tổng điểm trung bình học tập của 03 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển từ 18.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

3. Đối với phương thức xét điểm thi đánh giá năng lực.

- Thí sinh có điểm thi ĐGNL năm 2024 của Đại học Quốc gia TP.HCM đạt từ 600/1200 điểm trở lên;

- Thí sinh có điểm ĐGNL năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đạt tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển từ 18.0 điểm trở lên đối với ngành sư phạm và 15.0 điểm trở lên đối với các ngành ngoài sư phạm.

III. Phương thức xét tuyển

1. Xét tuyển học bạ THPT

Thí sinh chọn một trong hai loại kết quả để đăng ký:

+ Kết quả học tập 03 học kỳ (02 học kỳ năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12): Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình 03 học kỳ của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có).

+ Kết quả học tập 02 học kỳ năm lớp 12: Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình 02 học kỳ của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có).

2. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP.HCM năm 2024: Chỉ áp dụng xét tuyển cho các ngành ngoài sư phạm.

3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2024: áp dụng xét tuyển cho tất cả các ngành.

IV. Thời gian, hình thức đăng ký xét tuyển

- Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày 20/4/2024 đến ngày 20/6/2024.

- Thí sinh đăng ký trực tuyến trên trang tuyển sinh của Trường Đại học Quy Nhơn (không nhận hồ sơ gửi qua bưu điện hoặc trực tiếp) tại địa chỉ <http://tsd.qnu.edu.vn>. Thí sinh điền đầy đủ các thông tin được yêu cầu trên trang web. Thí sinh đăng ký vào nhiều ngành khác nhau phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất). Thí sinh có thể sử dụng tài khoản được cấp để điều chỉnh, bổ sung ngành xét tuyển và chỉnh sửa các thông tin của thí sinh cho chính xác trước ngày 20/6/2024.

- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã đăng ký. Học bạ, chứng nhận kết quả thi ĐGNL, bằng tốt nghiệp THPT thí sinh phải nộp lúc nhập học để Trường kiểm tra đối chiếu với thông tin đã đăng ký.

- Lệ phí xét tuyển sớm: 20.000đ/nguyện vọng. Thí sinh chuyển khoản theo tài khoản sau: Tên tài khoản: Trường Đại học Quy Nhơn; Số tài khoản: 58010000005049

Tại: Chi Nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Định (BIDV Bình Định)

Nội dung: [Họ tên thí sinh] [số CCCD] nộp LPXT [Tổng số nguyện vọng]

Chú ý: Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất phải tiếp tục đăng ký thi năng khiếu và nộp lệ phí thi năng khiếu là 300.000 đồng/thí sinh.

V. Nguyên tắc xét tuyển

1. Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có). Đối với các ngành Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh điểm môn Anh nhân hệ số 2, ngành Toán ứng dụng điểm môn Toán nhân hệ số 2, ngành Giáo dục thể chất điểm môn Năng khiếu GDTC nhân hệ số 2; cộng với điểm các môn còn lại trong tổ hợp môn xét tuyển, chia cho 4 và nhân 3 (quy về điểm tối đa 30) lấy kết quả cộng với điểm ưu tiên (nếu có) làm điểm xét tuyển.

2. Nguyên tắc xét tuyển:

- Ưu tiên xét tuyển theo nguyện vọng: Khi xét tuyển vào cùng ngành, ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn; thí sinh đạt điểm chuẩn nhưng nguyện vọng thấp hơn sẽ không trúng tuyển nếu số thí sinh có nguyện vọng cao hơn đã đủ chỉ tiêu của ngành đó.

VI. Lưu ý

- Nhà trường sẽ thông báo thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT và điều kiện học sinh giỏi trở lên đối với các ngành sư phạm) vào ngày 24/6/2024. Các ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất kết quả xét tuyển được thông báo vào ngày 05/7/2024 (sau khi có kết quả thi năng khiếu).

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT từ ngày 18/7 đến 17h00 ngày 30/7/2004.

- Thí sinh không đủ điều kiện trúng tuyển sớm vào ngành đào tạo theo nguyện vọng vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó để được xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT của thí sinh trên hệ thống của Bộ GDĐT.

Nhà trường trân trọng thông báo để thí sinh biết và đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Quy Nhơn./.

Nơi nhận:

- Các trường THPT;
- Các đơn vị trong Trường;
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ.